

QUY ĐỊNH

Về việc quy định một điều kiện số chế độ, định mức chi đảm bảo hoạt động của Đoàn Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Quốc hội tỉnh Long An (Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND tỉnh Long An)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chế độ đối với Đại biểu Quốc hội, cán bộ công chức, nhân viên phục vụ hoạt động Đoàn Đại biểu Quốc hội sau khi họp nhất.

2. Đối tượng áp dụng

Chế độ quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đối với Đại biểu Quốc hội, cán bộ công chức, nhân viên phục vụ hoạt động Đoàn Đại biểu Quốc hội sau khi họp nhất.

Điều 2. Nội dung chi và mức chi

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1	Hoạt động tiếp xúc cử tri		
a	Hỗ trợ điếm TXCT	Đồng/điểm	Tối đa 5.000
b	Bồi dưỡng cho CBCC, nhân viên phục vụ TXCT		
	+ Bồi dưỡng cho CBCC	Đồng/người/đợt	500
	+ Bồi dưỡng cho nhân viên phục vụ	Đồng/người/buổi	80
c	Bồi dưỡng xây dựng báo cáo kết quả TXCT	Đồng/báo cáo/đợt tiếp xúc cử tri	
	+ Báo cáo kết quả TXCT theo từng nhóm		300
	+ Báo cáo kết quả TXCT chung cho cả đoàn		500
2	Hoạt động tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
a	Trường hợp đại biểu Quốc hội tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân ở Trung ương, trụ sở hoặc địa điểm tiếp công dân tại địa phương, chế độ chi được quy định như sau:		
	+ Đại biểu Quốc hội, đại diện lãnh đạo cơ quan liên quan được phân công tiếp công dân	Đồng/người/buổi	150
	+ Chi bồi dưỡng cho CBCC phục vụ trực tiếp ĐBQH tiếp công dân	Đồng/người/buổi	80
	+ Chi bồi dưỡng cho CBCC phục vụ gián tiếp ĐBQH tiếp công dân	Đồng/người/buổi	50
b	Chi xây dựng báo cáo gửi UBND về tình hình và kết quả tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo	Đồng/báo cáo	1.800
c	Đối với xây dựng báo cáo đề xuất giải quyết vụ khiếu nại, tố cáo trình hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền: mức chi là 1.000.000 đồng/báo cáo	Đồng/báo cáo	1.000
3	Hoạt động giám sát, khảo sát		
a	Chi cho thành viên tham gia đoàn giám sát, khảo sát	Đồng/người/buổi	
	+ Trưởng đoàn giám sát, khảo sát		200
	+ Thành viên đoàn giám sát, khảo sát		100
	+ CBCC và người lao động phục vụ đoàn giám sát, khảo sát		80
b	Chi xây dựng các văn bản giám sát, khảo sát	Đồng/báo cáo	
	+ Nghị Quyết thành lập Đoàn giám sát (bao gồm kế hoạch và nội dung giám sát)		1.200
	+ Xây dựng đề cương giám sát, khảo sát		1.200
	+ Xây dựng báo cáo kết quả giám sát		1.800
	+ Xây dựng báo cáo kết quả khảo sát		1.200

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
	+ Báo cáo kết quả giám sát văn bản QPPL		1.800
c	Tổ chức cuộc họp của Đoàn giám sát, khảo sát	Đồng/người/buổi	
	Bồi dưỡng đại biểu chủ trì họp giám sát, khảo sát		200
	Bồi dưỡng cho thành viên họp giám sát, khảo sát		100
4	Hoạt động tham gia xây dựng luật		
a	Chi tổ chức các hội nghị, hội thảo lấy ý kiến tham gia xây dựng Luật		
	+ Bồi dưỡng người chủ trì cuộc họp	Đồng/người/buổi	200
	+ Bồi dưỡng cho các thành viên dự họp	Đồng/người/buổi	100
	+ Bồi dưỡng phóng viên, đài báo	Đồng/người/buổi	100
	+ Chi báo cáo tham luận, ý kiến tại hội nghị, hội thảo; tham gia vào các dự án Luật (Báo cáo, ý kiến tham gia bằng văn bản, do Trưởng đoàn ĐBQH tỉnh quyết định cụ thể)	Đồng/báo cáo	600-1.000
	+ Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia vào dự án Luật	Đồng/báo cáo	800
b	Chế độ chi đối với chuyên gia nghiên cứu chuyên đề phục vụ hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của Đoàn đại biểu Quốc hội (tùy theo nội dung và tính cấp thiết của chuyên đề Trưởng đoàn ĐBQH quyết định việc thuê chuyên gia)	Đồng/báo cáo	Tối đa 4.000
c	Chi xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân liên quan (do Trưởng Đoàn ĐBQH quyết định việc xin ý kiến)	Đồng/báo cáo	Tối đa 1.000
d	Chi hỗ trợ xây dựng luật đối với cán bộ, công chức Văn phòng (Trực tiếp phục vụ các hoạt động của Đoàn ĐBQH)	Đồng/người/năm	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
	+ Chánh Văn phòng, Phó chánh Văn phòng, chuyên viên cao cấp và tương đương		12.000
	+ Chuyên viên chính và tương đương		10.000
	+ Chuyên viên và tương đương		7.500
5	Các nội dung chi tại các cuộc họp của Đoàn ĐBQH với các ngành liên quan		
a	Bồi dưỡng người chủ trì cuộc họp	Đồng/người/buổi	200
b	Bồi dưỡng cho các thành viên dự họp	Đồng/người/buổi	100
c	Bồi dưỡng phóng viên, đài báo phục vụ họp	Đồng/người/buổi	100
d	Khoán chi họp của ĐB chuyên trách	Đồng/người/tháng	4.000
e	Khoán chi phục vụ hoạt động QH	Đồng/người/tháng	
	+ Chánh VP, Phó Chánh VP, chuyên viên cao cấp và tương đương		3.500
	+ Chuyên viên chính và tương đương		2.800
	+ Chuyên viên và tương đương		2.000
6	Chi công tác phí, hội nghị		
	Áp dụng đối với Đại biểu Quốc hội của Đoàn Đại biểu Quốc Hội tỉnh (trừ Đại biểu Quốc hội chuyên trách Trung ương); Đại biểu Quốc hội không chuyên trách ở Trung ương do cơ quan, đơn vị nơi đại biểu công tác đảm bảo		Áp dụng theo Điều 11 NQ 524/2012/UBTVQH13 và NQ số 72/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh
7	Chi xây dựng báo cáo trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội		
	Chi báo cáo định kỳ (6 tháng, năm, nhiệm kỳ,...) của Đoàn ĐBQH trình Ủy ban thường vụ Quốc hội	Đồng/báo cáo	1.800
8	Chế độ chi may lễ phục, trang phục		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
	Mỗi nhiệm kỳ Quốc hội, cán bộ, công chức Văn phòng (Trực tiếp phục vụ các hoạt động của Đoàn ĐBQH) được cấp tiền may 01 bộ lễ phục	Đồng/người/bộ	5.000
9	Chế độ tặng quà đối với các đối tượng Chính sách - Xã hội (Tổng số tiền quà tặng trong năm tối đa không quá 150 triệu đồng/năm)		
a	Chi tặng quà đối với các tập thể	Đồng//lần	3.000
b	Chi tặng quà đối với các cá nhân	Đồng//lần	700
c	Chi hỗ trợ ĐBQH (5 phần quà) thăm các đối tượng chính sách-xã hội	Đồng//phần	500
10	Chế độ tặng quà lưu niệm đối với ĐBQH, cán bộ, công chức Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND (trực tiếp phục vụ các hoạt động của Đoàn ĐBQH) khi kết thúc nhiệm kỳ; nghỉ hưu; chuyển công tác khác		
a	Đối với Đại biểu Quốc hội (được tặng quà lưu niệm khi kết thúc nhiệm kỳ, mức chi theo chế độ chi tổng kết nhiệm kỳ)	Đồng/người	5.000
b	Đối với cán bộ, chuyên viên (được tặng quà lưu niệm khi kết thúc nhiệm kỳ, mức chi theo chế độ chi tổng kết nhiệm kỳ)	Đồng/người	1.500
c	CBCC Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND (trực tiếp phục vụ các hoạt động của Đoàn ĐBQH) khi nghỉ hưu, chuyển công tác sang cơ quan khác được tặng quà lưu niệm	Đồng/người	1.500
11	Chế độ thăm hỏi, trợ cấp đối với ĐBQH, CBCC, NLĐ		
a	Chi thăm hỏi đối với ĐBQH, nguyên ĐBQH, CBCC Văn phòng đương nhiệm, nghỉ hưu (trực tiếp phục vụ các hoạt động của Đoàn ĐBQH) khi ốm, đau	Đồng/người/lần	1.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
b	ĐBQH bị bệnh hiểm nghèo, chi không quá 2 lần/người/năm	Đồng/người/lần	Tối đa 5.000
c	Cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng), vợ, chồng của ĐBQH chết	Đồng/người/lần	2.000
d	ĐBQH, nguyên ĐBQH khi từ trần gia đình được trợ cấp	Đồng/người/lần	2.000
e	Trợ cấp đối với CBCC khi bị bệnh hiểm nghèo, khó khăn đột xuất, thiên tai, hỏa hoạn. Trưởng Đoàn ĐBQH quyết định mức trợ cấp	Đồng/người/lần	Tối đa 5.000

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Chế độ đối với Đại biểu Quốc hội, cán bộ công chức phục vụ hoạt động Đoàn Đại biểu Quốc hội sau khi hợp nhất chi từ nguồn dự toán được giao hàng năm của Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Cần